

Chương 5: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trần Thị Mỹ Phước,
Saigon University
0918897700
ttmphuoc@squ.edu.vn

NỘI DUNG

Mục tiêu của chương	Nội dung của chương
- Hiểu rõ khái niệm và những đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp.	5.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò.
- Tổng hợp và phân tích vai trò của loại thuế này.	5.2. Đối tượng nộp thuế.
- Xác định được phương pháp tính thuế, thuế suất.	5.3. Đối tượng chịu thuế.
- Khái quát các trường hợp miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ, ưu đãi thuế...	5.4. Phương pháp tính thuế.
	5.5. Xác định doanh thu tính thuế.
	5.6. Các khoản chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.
	5.7. Các khoản thu nhập chịu thuế khác.
	5.8. Thuế suất.

5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

- Thuế TNDN là loại thuế **trực thu**, tác động trực tiếp vào **thu nhập tính thuế** sau khi trừ các khoản chi phí liên quan đến thu nhập của cơ sở kinh doanh.
- Được áp dụng ở Việt Nam từ năm 1999 thay thế cho Thuế lợi tức.
- Có tác động trực tiếp đến tích lũy và tiêu dùng.

5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

5.1.1. Khái niệm:

- Là thuế trực thu, người nộp thuế được qui định rõ ràng.
- Mức động viên vào Ngân sách nhà nước chịu sự tác động trực tiếp kết quả kinh doanh của người.
- Điều tiết trực tiếp thu nhập, do đó tác động đến lợi ích kinh tế người nộp thuế và tác động đến khả năng tái đầu tư.
- Có tính ổn định tương đối nhằm tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư.

5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

5.1.2. Đặc điểm:

- Là thuế trực thu, người nộp thuế được qui định rõ ràng.
- Mức động viên vào Ngân sách nhà nước chịu sự tác động trực tiếp kết quả kinh doanh của người.
- Điều tiết trực tiếp thu nhập, do đó tác động đến lợi ích kinh tế người nộp thuế và tác động đến khả năng tái đầu tư.
- Có tính ổn định tương đối nhằm tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư.

5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

5.1.3. Vai trò:

- Góp phần khuyến khích đầu tư
- Góp phần tái cấu trúc nền kinh tế theo ngành nghề và vùng lãnh thổ.
- Tạo nguồn thu ngân sách cho nhà nước.

5.2. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh ở Việt Nam nộp thuế TNDN theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

5.3. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ

Thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập chịu thuế khác (kể cả thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài).

5.4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

$$\text{Thuế TNDN} = (\text{TN tính thuế} - \text{Quỹ PTKHCN}) \times \text{Thuế suất}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} - \text{Lỗ được kết chuyển}$$

$$\text{TN chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Thu nhập khác}$$

5.5. Doanh thu để tính Thu nhập chịu thuế

- ♦ Là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- ♦ Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, hoàn thành dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ.

5.5. Doanh thu để tính Thu nhập chịu thuế

Căn cứ xác định doanh thu:

- ♦ Số lượng hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ (trao đổi, biểu, tặng, tiêu dùng nội bộ).
- ♦ Giá bán thực tế ghi trên hóa đơn GTGT:
 - Phương pháp khấu trừ: doanh thu để tính thu nhập chịu thuế không bao gồm thuế GTGT
 - Phương pháp trực tiếp: doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đã bao gồm thuế GTGT
 - Phương pháp khấu trừ có sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB: doanh thu để tính thu nhập chịu thuế không bao gồm thuế GTGT nhưng bao gồm thuế TTĐB.

5.5. Doanh thu để tính Thu nhập chịu thuế

Một số trường hợp đặc biệt:

- ♦ Hàng hóa bán theo phương thức trả góp: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là giá bán hàng hóa trả tiền một lần, không bao gồm lãi trả chậm.
- ♦ Đối với hoạt động gia công: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số tiền thu về gia công bao gồm cả tiền công, nhiên liệu, động lực, vật liệu và chi phí khác phục vụ cho việc gia công.
- ♦ Cơ sở kinh doanh nhân làm đại lý bán hàng đúng giá quy định: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là tiền hoa hồng được hưởng.

5.5. Doanh thu để tính Thu nhập chịu thuế

Một số trường hợp đặc biệt:

- ♦ Hoạt động cho thuê tài sản: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng. Trường hợp bên thuê trả trước cho nhiều năm thì doanh thu được phân bổ cho số năm trả tiền trước.
- ♦ Hoạt động tín dụng: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số lãi phải thu trong kỳ.
- ♦ Đối với hoạt động vận tải: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ số tiền được hưởng từ việc vận chuyển hành khách, hàng hóa trong kỳ.

5.5. Doanh thu để tính Thu nhập chịu thuế

Ví dụ: Tình hình tiêu thụ trong tháng tại công ty A như sau:

1. Bán cho công ty X 10.000 sản phẩm với giá bán chưa thuế GTGT là 80.000đ/SP. Công ty X chỉ mới thanh toán 50% giá trị.
2. Xuất khẩu 5.000 SP theo giá CIF quy ra tiền VN là 100.000đ/SP, vận tải và bảo hiểm là 10% CIF.
3. Giao đại lý 50.000 SP với giá bán lẻ chưa thuế GTGT theo hợp đồng là 90.000đ/SP, hoa hồng đại lý 10% trên giá bán chưa thuế GTGT.
4. Trực tiếp bán lẻ 5.000 SP với giá bán chưa thuế GTGT là 85.000đ/SP.

Biết rằng: Đại lý chỉ tiêu thụ được 90%. Xác định doanh thu của công ty A trong tháng theo 2 trường hợp.

1. Trường hợp 1: Công ty A nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ. Thuế suất T.GTGT 10%.
2. Trường hợp 2: Công ty A nộp thuế GTGT theo PP trực tiếp, Thuế suất T.GTGT 10%.

5.6. Một số khoản chi phí được trừ.

Điều kiện xác định chi phí được trừ:

- Trừ các khoản chi phí không được trừ.
- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của DN.
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5.6. Một số khoản chi phí được trừ.

1. Khấu hao TSCĐ phục vụ SX, KD: Bao gồm cả khấu hao của TSCĐ phục vụ cho người lao động, như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà thay quần áo, nhà để xe, bể chứa nước sạch, nhà vệ sinh, phòng hoặc trạm y tế, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động.
2. Chi phí vật tư (nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng...)
3. Chi phí tiền lương, tiền công.
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài.
5. Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động SX, KD.
6. Các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định.

5.6. Một số khoản chi phí được trừ.

Ví dụ: Tình hình chi phí trong tháng tại 1 công ty A như sau:

1. Mua 100.000 kg vật liệu C với giá mua chưa thuế GTGT là 8.000đ/kg chưa thanh toán.
2. Nhập khẩu 5.000 m vật liệu D theo giá CIF quy ra tiền VN là 90.000đ/m, vận tải và bảo hiểm là 10% CIF, TS NK là 20%.
3. Chuyển khoản thanh toán tiền điện giá chưa VAT 20tr, TS 10%, nước 30tr, thuế suất 5%.
4. Chi phí quảng cáo 90tr, thuế suất 10%
5. Các chi phí khác hợp lệ 100tr, thuế suất 10%

Xác định chi phí được trừ của công ty A trong tháng:

Trường hợp 1: Công ty A nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ, thuế suất T.GTGT 10%.

Trường hợp 2: Công ty A nộp thuế GTGT theo PP trực tiếp, thuế suất T.GTGT 10%.

5.7. Thu nhập chịu thuế khác

- Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán.
- Thu nhập liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả.
- Thu nhập do chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản.
- Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm.
- Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ;
- Thu nhập về chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Thu nhập về tiêu thụ phế liệu, phế phẩm.
- Kết dư cuối năm các khoản dự phòng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được.
- Các khoản thu nhập từ sản xuất, kinh doanh của các năm trước bị bỏ sót mới phát hiện.

5.7. Thu nhập chịu thuế khác

- Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất.
- Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài.
- Các khoản thu nhập liên quan đến việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ không tính trong doanh thu: thưởng giải phóng tàu nhanh, tiền thưởng phục vụ trong ngành ăn uống.
- Quà biếu, quà tặng bằng hiện vật, bằng tiền.
- Các khoản thu từ hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết trong nước (nếu là thu nhập sau thuế TNDN của hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết thì không phải nộp thuế TNDN)
- Các khoản thu nhập khác.

5.8. Thuế suất

- ♦ 22% kể từ ngày 01/01/2014 và chuyển sang áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 01/01/2016.
- ♦ 20% đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 20 tỷ.
- ♦ Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50%

KÊ KHAI, NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ